BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**
---

**PHẠM THỊ MỸ LY**

# TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

**Chuyên ngành : Kế toán**
**Mã số : 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng – Năm 2011



**Công trình được hoàn thành tại**
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**
---

**Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI**

**Phản biện 1: .....**

**Phản biện 2: .....**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng bảo vệ chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 07 tháng 01 năm 2012

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu - Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

# MỞ ĐẦU

**1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu**

Theo lộ trình hội nhập quốc tế, Việt Nam sẽ mở cửa hoàn toàn thị trường dịch vụ ngân hàng, các ngân hàng trong nước sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh vô cùng khốc liệt trong một môi trường kinh doanh toàn cầu biến động khó lường. Vì vậy, việc tăng cường kiểm soát nội bộ hoạt động cho vay tại các ngân hàng hiện nay đang là vấn đề bức xúc về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn.

Từ yêu cầu thực tế đó, tôi đã chọn đề tài "***Tăng cường kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng***"

**2. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Nghiên cứu về hệ thống kiểm soát nội bộ và thực tiễn của công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát đối với hoạt động tín dụng tại ngân hàng.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- *Đối tượng nghiên cứu:* Tập trung nghiên cứu thực trạng và các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng.

- *Phạm vi nghiên cứu*: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu về công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng.

**4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Sử dụng phương pháp phỏng vấn để thu thập thông tin, sử dụng phương pháp thống kê



mô tả để xử lý các số liệu thứ cấp thu thập từ kết quả kiểm toán.

**5. Những đóng góp của đề tài**

- Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong các ngân hàng thương mại.

- Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại EIB Đà Nẵng, những kết quả đã đạt được và một số hạn chế trong công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng.

- Từ thực tế và lý luận, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát đối với hoạt động tín dụng tại EIB Đà Nẵng

**6. Kết cấu của luận văn**

Ngoài mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận chung về kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong các ngân hàng thương mại

**Chương 2:** Thực trạng về công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng

**Chương 3:** Các giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng.

# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

## 1.1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### *1.1.1. Khái niệm về hệ thống kiểm soát nội bộ*

Theo định nghĩa của Viện kiểm toán quốc tế: "Hệ thống kiểm

soát nội của Ngân hàng là tập hợp bao gồm các chính sách, quy trình, quy định nội bộ, các thông lệ, cơ cấu tổ chức của ngân hàng, được thiết lập và được tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu của ngân hàng và đảm bảo phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro xảy ra".

Theo Điều 2 Quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết số 36/2006/QĐ- NHNN ngày 01/08/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: "*Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của của tổ chức tín dụng được thiết lập trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và được tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu mà tổ chức tín dụng đã đặt ra*".

***1.1.2. Nguyên tắc hoạt động của hệ thống KSNB trong các Ngân hàng Thương Mại***

Để hệ thống KSNB hoạt động có hiệu quả cần tuân thủ các nguyên tắc hoạt động về rủi ro, về cơ chế phân cấp ủy quyền, cơ chế kiểm tra chéo và Quy định về hạn mức rủi ro cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện các giao dịch.

***1.1.3 Phân loại kiểm soát nội bộ tại các Ngân hàng thương mại***

***a. Các dạng kiểm soát***

- Dạng kiểm soát hành chính liên quan đến hiệu quả hoạt động:
- Dạng kiểm soát hạch toán, kế toán có liên quan đến bảo vệ tài sản
- Dạng kiểm soát ngăn ngừa
- Dạng kiểm soát phát hiện.

***b. Phân loại kiểm soát nội bộ theo các tiêu thức***

** Phân loại kiểm soát nội bộ theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh*



** Phân loại kiểm soát nội bộ theo mức kiểm soát*

** Phân loại kiểm soát nội bộ theo định kỳ*

** Phân loại kiểm soát nội bộ theo phương thức kiểm soát*

** Phân loại kiểm soát nội bộ theo cấp độ kiểm soát*

## 1.2. KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.2.1 Hoạt động tín dụng trong ngân hàng thương mại

***1.2.1.1 Khái niệm, đặc trưng và vai trò của tín dụng***

* ***Khái niệm tín dụng ngân hàng***:

*Tín dụng ngân hàng là quan hệ kinh tế về sử dụng vốn tạm thời giữa ngân hàng và các tổ chức kinh tế và các cá nhân theo nguyên tắc hoàn trả nhằm thỏa mãn nhu cầu về vốn của các tổ chức và cá nhân trong kinh doanh.*

**** Đặc trưng của tín dụng là***: tín dụng có tính rủi ro; tín dụng mang yếu tố lòng tin, tính thời hạn và tính hoàn trả.

**** Vai trò tín dụng trong ngân hàng***:

*- Vai trò tín dụng đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng*:

Trong nền kinh tế thị trường, ngân hàng thương mại đóng vai trò là trung gian chuyển vốn từ người có vốn tạm thời nhàn rỗi sang người thiếu vốn để đầu tư, do vậy ngay từ buổi đầu hoạt động, ngân hàng thương mại đã tập trung chủ yếu vào nghiệp vụ tiền gửi và cho vay để đáp ứng nhu cầu thiếu hụt vốn về kinh tế. Hơn nữa, hoạt động tín dụng còn tạo điều kiện mở rộng và phát triển thêm các hoạt động dịch vụ của Ngân hàng.

*- Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với nền kinh tế*

Tín dụng ngân hàng là công cụ vĩ mô của Nhà nước để tài trợ cho các ngành kinh tế mũi nhọn và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế kém phát triển phát huy tối đa lợi thế so sánh của đất nước. Thông

qua tín dụng ngân hàng, Chính phủ sẽ tài trợ cho các ngành kinh tế mũi nhọn hoặc các thành phần kinh tế kém phát triển với mục đích tạo động lực để thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển theo, tạo sự phát triển đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực kinh tế.

***1.2.1.2. Phân loại tín dụng ngân hàng***

Phân loại tín dụng là việc sắp xếp các khoản theo từng nhóm dựa trên một số tiêu thức nhất định, là tiền đề để các ngân hàng thiết lập quy trình tín dụng thích hợp và giúp cho người vay sử dụng vốn một cách hiệu quả, và từ đó nâng cao được chất lượng trong công tác quản trị rủi ro tín dụng.

Tùy vào mục đích nghiên cứu và sử dụng mà chúng ta có thể phân loại theo một số tiêu thức sau:

**** Phân loại theo thời gian*:**

*Tín dụng ngắn hạn*: là loại tín dụng có thời hạn dưới 1 năm.

*Tín dụng trung hạn*: là loại tín dụng có thời có thời hạn từ 1 đến 5 năm

*Tín dụng dài hạn*: là loại tín dụng có thời hạn trên 5 năm.

**** Phân loại theo hình thức tài trợ***: gồm cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính.

**** Phân loại theo tài sản đảm bảo*:** Theo tiêu thức này Tín dụng được chia thành hai loại: tín dụng có bảo đảm và tín dụng không có bảo đảm.

**** Phân loại theo phương pháp cho vay***: có tín dụng trực tiếp và tín dụng gián tiếp.

**** Phân loại theo phương pháp hoàn trả***

**1.2.2. Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong các ngân hàng thương mại**



***1.2.2.1. Sự cần thiết phải kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong Ngân hàng Thương Mại***

Một hợp đồng tín dụng luôn tiềm ẩn rủi ro, rủi ro tín dụng này chỉ hết khi hợp đồng tín dụng được thanh lý. Công việc quản lý của ngân hàng là rất khó khăn, khối lượng công việc quản lý của các nhà quản lý là rất lớn do ngân hàng thường có quy mô mạng lưới hoạt động rộng khắp. Điều đó dẫn đến một vấn đề đặt ra là liệu nhân viên tín dụng của mình có làm đúng nguyên tắc, đảm bảo tính đầy đủ về mặt pháp lý trong hoạt động hay chưa?... Công tác điều hành quản lý có mang tính khả thi và đem lại hiệu quả tốt chưa? Rồi rủi ro tín dụng mà ngân hàng phải gánh chịu đang ở mức độ nào? Kiểm soát nội bộ chính là bộ phận giải quyết được các yêu cầu trên, là phương tiện và công cụ đắc lực trong công tác quản lý điều hành cho ban lãnh đạo ngân hàng.

Vì vậy, kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng là công cụ quan trọng giúp ngân hàng dự đoán, nhận biết và kiểm soát được các rủi ro tín dụng một cách hiệu quả.

***1.2.2.2. Vai trò của kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong các NHTM***

Với một vị trí và vai trò quan trọng, kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng đã góp một phần không nhỏ trong việc loại trừ các sai lầm và gian lận trong kinh doanh tín dụng của Ngân hàng, tìm ra những sai phạm không chỉ thuộc về bản thân Ngân hàng mà đối với tất cả khách hàng sử dụng vốn tín dụng của ngân hàng. Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng cũng đem lại những tác động to lớn từ việc đưa ra những kiến nghị, tham vấn cho ban lãnh đạo Ngân hàng tìm ra phương pháp giải quyết, giảm thiểu những rủi ro tín dụng

tiềm tàng, những rủi ro có thể biết trước đảm bảo hoạt động kinh doanh Ngân hàng có hiệu quả.

***1.2.2.3. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng.***

**** Mục tiêu của kiểm soát nội độ đối với hoạt động tín dụng của NHTM***

Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng của NHTM nhằm đánh giá tính nghiêm túc, đúng đắn trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện nghiệp vụ tín dụng, như: Chiến lược, chính sách, các điều kiện trong kinh doanh tín dụng, phân chia về chức năng hoạt động.

**** Chức năng nhiệm vụ của kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng ngân hàng***

Kiểm tra xác định độ tin cậy của các tài liệu liên quan đến nghiệp vụ cấp tín dụng, đánh giá tính tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy định của Nhà nước đối với NHTM về các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ tín dụng, các quy định của bản thân ngân hàng đối với các bộ tín dụng có được chấp hành đầy đủ không?

Đánh giá và xác nhận tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với công tác tín dụng.

Kiểm tra, xác nhận và đánh giá tính hiệu quả của hoạt động tín dụng, việc sử dụng vốn, các quyết định, công văn có đúng đắn và hợp pháp không?

****Nhiệm vụ của kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng***:

Kiểm tra, đánh giá tính phù hợp, tính hiệu lực hiệu quả của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ trong ngân hàng, độ tin cậy của các thông tin tín dụng trước khi trình ký duyệt và công bố.

Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ của các nguyên tắc hoạt động và quản lý tín dụng đặc biệt sự tuân thủ luật pháp, chính sách, chế độ,



các quy định của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc Ngân hàng của cán bộ tín dụng Ngân hàng.

Phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý tín dụng trong bảo vệ tài sản, nguồn vốn của Ngân hàng. Đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý điều hành kinh doanh của Ngân hàng.

***1.2.2.4. Nội dung kiểm soát và cơ chế kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại .***

Uỷ ban tiêu chuẩn kế toán Australia (Australian Accounting Standards Board) định nghĩa "Kiểm soát là khả năng của một thực thể trong việc chi phối quá trình ra quyết định, trực tiếp hoặc gián tiếp, trong mối quan hệ với các chính sách tài chính và vận hành của một thực thể khác, qua đó tạo khả năng cho chủ thể đó vận hành theo các mục tiêu của chủ thể kiểm soát

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VN – CN ĐÀ NẴNG

### 2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG:

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Eximbank được thành lập vào ngày 24/05/1989 theo quyết định số 140/CT của Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng với tên gọi đầu tiên là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam **(Vietnam Export Import Bank)** và đã chính thức đi vào hoạt động ngày 17/01/1990. Ngày 06/04/1992, Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký giấy phép số 11/NH-GP cho phép Ngân hàng hoạt động trong thời hạn 50 năm với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng VN tương đương 12,5 triệu

USD với tên mới là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Vietnam Export Import Commercial Joint - Stock Bank), gọi tắt là Vietnam Eximbank.

**2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng ( EIB Đà Nẵng)**:

Ngày 28/01/1994 trên cơ sở quyết định số 0015/GGT ngày 20/12/1993 của thống đốc Ngân hàng, chi nhánh NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Đà Nẵng ( gọi tắt là Eximbank Đà Nẵng hay là EIB Đà Nẵng) được thành lập. Từ ngày 30/04/1996 cho đến nay, Chi nhánh hoạt động tại địa chỉ 48 Trần Phú – TP Đà Nẵng, Eximbank Đà Nẵng hoạt động theo điều lệ của Eximbank Việt Nam.

**2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng ( EIB ĐN)**

Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận vốn, huy động vốn cho vay trong khuôn khổ điều lệ của ngân hàng EIB ĐN theo chính sách chế độ Nhà nước.

Tổ chức hạch toán, kiểm soát và quyết toán theo chế độ tài chính kế toán hiện hành.

Thực hiện nghiệp vụ thanh toán trong và ngoài hệ thống ngân hàng EIB .

Chấp hành chế độ kho quỹ, đảm bảo an toàn tiền mặt, vàng bạc, kim khí quý, chứng từ có giá trị và ấn chỉ quan trọng.

Đại diện cho EIB trong những vấn đề liên quan đến thực hiện tại địa phương.

**2.1.4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của EIB ĐN**

Cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động của EIB Đà Nẵng tương đối đơn giản, gọn nhẹ. Mỗi phòng ban có nhiệm vụ riêng nhưng vẫn



tạo ra sự liên kết, đồng thời không tách rời hệ thống bộ máy của Ngân hàng.

## 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

**2.2.1 Tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng**

Năm 2010 ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Đà Nẵng đã tổ chức triển khai tích cực Chính sách kích cầu, tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Tổng dư nợ tín dụng đạt **62.348** tỷ đồng, tăng 61,6% so với năm 2009 và vượt 34% kế hoạch đề ra.

**2.2.2. Các thủ tục kiểm soát trong quy trình tín dụng tại EIB Đà Nẵng**

Trong các bước của quy trình cho vay thì có thể chia thành 3 giai đoạn: trước, trong và sau khi giải ngân. Ở cả 3 giai đoạn này đều chứa đựng những rủi ro. Giai đoạn trước giải ngân rủi ro gặp phải là quyết định sai đối tượng cho vay; giai đoạn giải ngân ngân hàng có thể giải ngân sai đối tượng, thời hạn giải ngân bị kéo dài hay phải điều chỉnh số tiền giải ngân; còn các rủi ro như vốn vay không được sử dụng đúng mục đích, khách hàng không trả lãi, gốc đúng hạn, khách hàng làm ăn thua lỗ nên phải gia hạn nợ, tài sản đảm bảo giảm giá trị…là các rủi ro có thể xảy ra trong giai đoạn sau giải ngân. Vì vậy hoạt động kiểm soát phải tiến hành ở cả ba giai đoạn trên.

**2.2.3. Khảo sát việc thực hiện quy trình kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Đà Nẵng**:

***2.2.3.1. Mục đích và phương pháp khảo sát***:

*a. Mục đích khảo sát*:

➔ Phát hiện những điểm bất hợp lý hay sai sót của quy trình

kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại EIB Đà Nẵng

➔ Đánh giá việc tuân thủ quy trình kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ tín dụng trong Ngân hàng làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ tín dụng.

*b. Phương pháp khảo sát*:

Tác giả tiến hành khảo sát theo phương thức sau:

(1) Tiến hành khảo sát thực trạng kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ tín dụng tại EIB Đà Nẵng qua phương pháp kiểm tra chọn mẫu các hồ sơ tín dụng.

(2) Phỏng vấn trực tiếp khách hàng, kiểm soát viên nội bộ và một số cán bộ tín dụng.

***2.2.3.2. Kết quả khảo sát về việc thực hiện quy trình kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại Ngân hàng EIB Đà Nẵng***:

*a. Khảo sát bằng phương pháp kiểm tra chọn mẫu các hồ sơ tín dụng*:

Qua kiểm tra chọn mẫu, tiến hành kiểm soát 112mẫu / 2.549 mẫu (chiếm tỷ trọng: 4,4% trong tổng số) được chọn (là những khách hàng có dư nợ vay lớn, khách hàng nằm trong nhóm dư nợ xấu và được lựa chọn một cách ngẫu nhiên) tại EIB Đà Nẵng:

Trong quá trình khảo sát, tác giả nhận thấy còn một số sai sót trong việc tuân thủ quy trình kiểm soát, cụ thể:

+ Báo cáo thẩm định sơ sài, giữ nguyên mẫu hướng dẫn và không cung cấp được những thông tin cơ bản của khách hàng

+ Hồ sơ pháp lý phải được lưu đầy đủ về hình thức và nội dung nhằm đảm bảo hạn chế rủi ro khi xảy ra tranh chấp. Bộ phận thẩm định khi cho vay phải yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ trước khi quyết định cho vay.



+ Hồ sơ vay vốn: còn thiếu BCTC, BCTC photo, không chính xác

Báo cáo tài chính là một trong những tài liệu quan trọng để ngân hàng sử dụng làm cơ sở thẩm định cho vay và cũng là công cụ kiểm tra hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Mặc dù đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các số liệu trong báo cáo gởi ngân hàng nhưng trong quá trình cho vay Phòng tín dụng cần phải thẩm định lại nội dung báo cáo, đảm bảo sự tin cậy và việc đầu tư của ngân hàng vào những đơn vị đang kinh doanh có hiệu quả.

Trong quá trình làm báo cáo, một số hồ sơ CBTD không thu thập hoặc thu thập báo cáo tài chính không đầy đủ.

Số liệu báo cáo tài chính không chính xác (chênh lệch giữa số cuối kỳ trước và đầu kỳ sau), không đầy đủ, không đáng tin cậy.

Hầu hết các báo cáo tài chính do khách hàng cung cấp cho ngân hàng là bảng photo, chính điều này đã làm cho tính xác thực của báo cáo tài chính không có.

+ Công tác thẩm định cho vay còn nhiều sai sót, cụ thể:

Hầu hết hồ sơ vay vốn, CBTD thu thập thông tin CIC nhưng không tìm hiểu và phân tích chi tiết tình hình trả nợ (gốc + lãi) của các khách hàng có dư nợ tại tổ chức tín dụng khác nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoản vay tại ngân hàng EIB Đà Nẵng.

=> Thông tin CIC là một kênh thông tin quan trọng giúp các tổ chức tín dụng đánh giá được tình hình dư nợ vay và chất lượng tín dụng của khách hàng, việc phân tích và tận dụng triệt để nguồn thông tin này sẽ giúp EIB Đà Nẵng đánh giá tổng quát về quan hệ tín dụng, năng lực tài chính và góp phần giảm thiểu rủi ro.

+ Thẩm định cho vay thiếu cơ sở, không trình bày nguyên nhân về tình hình hoạt động, tài chính yếu kém, có nợ quá hạn trước đây

của khách hàng hoặc đánh giá không chính xác về khả năng quản trị điều hành (cho là tốt)

+ Tờ trình thẩm định không trình bày nguyên nhân về tình hình hoạt động, tài chính yếu kém, có nợ quá hạn trước đây của KH hoặc đánh giá không chính xác về quản trị điều hành

=> CBTD phải chỉ ra được những yếu kém của khách hàng để từ đó đề xuất các biện pháp và mức cho vay phù hợp.

+ Công tác xét duyệt cho vay:

- Xác định kỳ hạn nợ và thời gian vay không phù hợp dẫn đên khả năng đảm bảo thu hồi vốn kịp thời

- Xét duyệt cho vay vượt nhu cầu vốn, hoặc không có cơ sở

+ Giải ngân:

- Hồ sơ giải ngân còn thiếu chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn không đầy đủ hoặc không phù hợp

Đối với những khách hàng có dư nợ tại tổ chức tín dụng khác nhưng chi nhánh giải ngân không thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, kiểm soát lỗng lẽo có thể dẫn đến việc khách hàng chuyển rủi ro cho chi nhánh bằng hình thức đảo nợ.

+ Sai sót khác:

- Chứng từ sử dụng vốn không được lập thành bảng kê gây khó khăn trong việc kiểm tra, kiểm soát

- HĐTD không có điều khoản thay đổi lãi suất định kỳ theo quy định: Công ty Artex Hội An.

- HĐTD không ghi thông tin về việc thế chấp tài sản (số HĐTC, công chứng)

+ Tài sản đảm bảo:

- Định giá TSTC không chính xác, không phù hợp.



Những sai sót đó được thể hiện qua một số hồ sơ cụ thể :

- Trường MN Tư thục Đức Trí gởi bổ nhiệm hiệu trưởng cho ngân hàng không có sao y, công chứng. Giấy phép thành lập ngày 12/05/1992 và bổ nhiệm Hiệu trưởng ngày 12/08/1994 là do khi đó cá nhân chưa được mở trường Tư thục. Tuy nhiên, đến nay khách hàng vẫn chưa tiến hành đăng ký kinh doanh mới.

- Công ty Phúc Thịnh: Theo HĐTD số 0548 ngày 18/02/2009, hạn mức TD được cấp 8.400 triệu đồng, thời hạn mỗi lần rút vốn là 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Theo thông tin CIC thu nhập ngày 07/09/2009, khách hàng có tổng dư nợ vay ngắn hạn 17.600 triệu đồng tại 02 tổ chức tín dụng ( trong đó dư nợ tại EIB Đà Nẵng 8.400 triệu đồng). Vòng quay vốn lưu động của khách hàng là 3.4 vòng/năm vốn lưu động cho 1 vòng quay vốn là 14.275 triệu đồng. Như vậy, đến tháng 09/2009 khách hàng không có vốn tự có tham gia phương án kinh doanh và có khả năng đã sử dụng 1 phần vốn vay vào mục đích khác ( 17.600 triệu đồng – 14.275 triệu đồng = 3.325 triệu đồng).

- Công ty TNHH BNT: Tỉ lệ hàng tồn kho và các khoản phải thu chiếm đến 84%/ Tổng tài sản, theo BCTC 06 tháng năm 2009: Công ty thua lỗ lũy kế đến năm 2008 là 3.516 triệu đồng. Do vậy, việc kinh doanh có hiệu quả là không chính xác

- Trương Đình Khởi: TSTC là đất tọa lạc tại Lô G22 Khu dân cư Thủ Thiêm Villa, Phường Mỹ Thạnh Lợi Quận 2. Căn cứ theo biên bản định giá ngày 20/12/2007 giá trị lô đất nêu trên là 9.055 triệu đồng, nhưng đến ngày 24/12/2008 giá trị tài sản này được định giá lại chỉ còn 4.360 triệu đồng, không đủ đảm bảo cho HĐTD 0395 (vay 10.000 triệu đồng). Cho đến thời điểm kiểm tra chi nhánh vẫn chưa lập phụ kiện hợp đồng thế chấp cùng khách hàng ký xác nhận

giá trị TSTC và update lại giá trị tài sản này trên Korebank

*b. Khảo sát bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp:*

Bất kỳ một nghiệp vụ kinh doanh nào cũng có quy trình riêng của nó, nghiệp vụ tín dụng cũng vậy. Mỗi ngân hàng thương mại cần căn cứ vào đặc điểm kinh doanh, quy định của nhà nước cũng như quy định riêng của Ngân hàng để thiết kế quy định tín dụng hợp lý, đảm bảo được sự liên hoàn, phối hợp nghiệp vụ. Qua các cuộc phỏng vấn trực tiếp, tác giả có ghi nhận được một số ý kiến như sau:

- Chưa có sự kiểm tra chéo lẫn nhau về hồ sơ tín dụng đối với các CBTD cùng công tác ở một bộ phận

- Các thủ tục kiểm soát các nghiệp vụ của Ngân hàng đều thực hiện theo nguyên tắc " mọi công việc đều được kiểm tra qua ít nhất hai người".

- Chưa xây dựng được hệ thống đánh giá tín dụng tiêu chuẩn để làm cơ sở ra quyết định tín dụng trong Ngân hàng

- Trong quá trình xét duyệt cho vay, chính vì sự cả nể hay vì những mối quan hệ với cấp lãnh đạo dẫn đến việc lỏng lẻo trong công tác xét duyệt hồ sơ vay vốn -> đây chính là khả năng tiềm ẩn rủi ro rất lớn.

- Quy trình tín dụng và công tác kiểm soát nội bộ của Ngân hàng hiện còn quá cứng nhắc và không linh hoạt. Điều này sẽ gây khó khăn cho khách hàng khi đến vay vốn tại Ngân hàng.

**2.2.4. Đánh giá về công tác kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Đà Nẵng**

***2.2.4.1. Những kết quả đạt được***

- Việc xét duyệt và phê duyệt tín dụng được quy định tại ngân hàng khá chặt chẽ

- Chính sách tín dụng, các quy trình, mẫu biểu tương đối đầyđủ



- Có sự phân công, phân nhiệm giữa cấp xét duyệt nghiệp vụ và những người thực hiện nghiệp vụ

- Đảm bảo tính độc lập giữa chức năng thực hiện nghiệp vụ tín dụng và chức năng kế toán, giữa chức năng nghiệp vụ tín dụng và chức năng bảo vệ tài sản, thu chi tiền.

- Quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ tín dụng và hồ sơ tài sản đảm bảo.

- Đều phân tích hoạt động tín dụng để đánh giá hiệu quả và rủi ro danh mục cho vay.

- Hoạt động giám sát thường xuyên của ngân hàng được thực hiện thông qua các cấp quản lý cơ sở tại mỗi bộ phận nghiệp vụ và cấp điều hành của ngân hàng.

- Nắm bắt được toàn bộ hoạt động tín dụng và phát hiện ra những sai phạm của các chi nhánh trong quá trình tác nghiệp cũng như biết được những bất cập của các Quy trình nghiệp vụ do Ngân hàng ban hành. Từ đó, phản ánh kịp thời và đưa ra những kiến nghị cho Ban lãnh đạo Ngân hàng để hoàn thiện các Quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế và có biện pháp quản lý hiệu quả hơn để tránh các sai phạm xảy ra ở chi nhánh.

***2.2.4.2. Một số vấn đề còn tồn tại***:

Mặc dù đã có những thành quả trên, các hoạt động kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Đà Nẵng còn một số tồn tại sau:

*a. Về việc thực hiện thủ tục kiểm soát*:

* ***Tính đầy đủ về hồ sơ vay vốn***

Trong quy định về cấp tín dụng tại EIB Đà Nẵng đã nêu rõ các giấy tờ cần thiết phải có trong bộ hồ sơ vay vốn: giấy đề nghị vay vốn, hồ sơ về tài liệu báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh dịch vụ,

đời sống, tài liệu về khả năng tài chính của khách hàng và người bảo lãnh, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, phương án kinh doanh, tờ trình thẩm định.

**** Kiểm tra việc thẩm định tín dụng***:

Có những dự án vay chưa đủ điều kiện, đặc biệt là chất lượng công tác thẩm định chưa cao, thẩm định khả năng tài chính của khách hàng chưa chính xác.

Về việc xác định thời hạn vay: một số hồ sơ của khách hàng, CBTD xác định thời hạn vay chưa sát thực tế, chưa phù hợp với quy trình luân chuyển vật tư hay quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của khách hàng, thường xác định thời hạn vay dài hơn quá trình luân chuyển vật tư, quy trình sản xuất kinh doanh của khách hàng, điều này gây thiệt hại chủ yếu cho Ngân hàng.

**** Chưa có sự kiểm tra chéo hồ sơ tín dụng giữa hai cán bộ tín dụng:*** nhằm hạn chế được rủi ro về tín dụng trong quá trình cho vay và kiểm tra sử dụng vốn vay.

*b. Về việc tuân thủ quy trình kiểm soát:*

- Quy trình về công tác kiểm soát đối với hoạt động tín dụng chưa được hoàn thiện, bổ sung cho phù hợp.

- Các quy trình tín dụng thường chú trọng đến hình thức và chỉ nhằm mục đích đáp ứng các yêu cầu về tính đầy đủ của thủ tục pháp lý đối với các khoản vay nhiều hơn là chú trọng đến tính kiểm soát.

- Sự phân công hồ sơ cho cán bộ tín dụng không hợp lý theo năng lực thẩm định hoặc số lượng quá tải dẫn đến cán bộ thẩm định không thể thẩm định cho vay và theo dõi tốt các khoản vay.

- Chưa xây dựng được hệ thống đánh giá tín dụng nên việc xét duyệt cho vay phần lớn dựa trên tài sản thế chấp và dựa trên sự trình



bày của CBTD về khách hàng, thiếu sự kiểm tra, tái thẩm định lại thông tin.

***2.2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại:***

*a) Nguyên nhân khách quan*

(1) Các biến động của môi trường kinh doanh và các yếu tố khách quan khác năm ngoài sự kiểm soát của ngân hàng và khách hàng.

(2) Môi trường pháp lý về hoạt động tín dụng phức tạp, chồng chéo tạo nên sự khó khăn khi áp dụng, dễ bị sơ hở về mặt pháp lý.

(3) Do tổ chức cho vay thiếu thông tin về khách hàng

*b) Nguyên nhân chủ quan*

- Hiện nay các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ do Ngân hàng Nhà nước ban hành chưa nhiều, chưa sát và chưa phù hợp với hoạt động kinh doanh các ngân hàng. Do đó chưa tạo ra hành lang pháp lý tốt cho hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại.

- EIB Đà Nẵng chưa có thước đo chuẩn mực về hiệu quả hoạt động của công tác kiểm soát nội bộ.

- Ngân hàng chưa có quy định chặt chẽ và kiểm soát sự tuân thủ việc giám sát sau khi cho vay của nhân viên tín dụng bao gồm kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay và tình hình thực tế của khách hàng. Vì thế các CBTD đã không thực hiện đầy đủ quy định này hoặc thực hiện một cách đối phó.

- Do CBTD có sự hạn chế kiến thức về các đặc thù của ngành nghề kinh doanh nên không kiểm soát được toàn bộ việc sử dụng vốn vay của khách hàng hoặc không hiểu được đặc điểm vòng quay vốn của khách hàng, đã xảy ra những trường hợp thất thoát vốn vay – nhất là khi ngân hàng tài trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

-Về mặt nhân sự chưa đáp ứng được yêu cầu công việc của một KSV nội bộ. Nguyên nhân do sự phát triển nhanh chóng của các ngân hàng thương mại nói chung và quy mô EIB Đà Nẵng nói riêng nên việc thu hút được những cán bộ giỏi có kinh nghiệm về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kiểm soát…vào vị trí Kiểm soát viên nội bộ còn rất khó khăn. Bên cạnh đó ngân hàng chưa thực sự chú trọng đến việc đào tạo nâng cao nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cho các KSV nội bộ; chưa có các chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút và tạo sự gắn bó giữa các KSV nội bộ với EIB .

# CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÀ NẴNG

## 3.1. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM – CN ĐÀ NẴNG (EIB – ĐN) TRONG THỜI GIAN ĐẾN

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Đà Nẵng trước hết cần duy trì chế độ kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động tín dụng để phát hiện kịp thời các sai phạm có thể dẫn tới ảnh hưởng đến vị thế, uy tín và kết quả hoạt động của mình. Đồng thời có những kiến nghị, tư vấn nhằm hoàn thiện cơ chế, quy trình tín dụng phù hợp với điều kiện ngân hàng trong điều kiện kinh tế- tài chính khủng hoảng.

Đảm bảo sự kiểm soát đối với các rủi ro tín dụng của ngân hàng, tập trung vào lĩnh vực cho vay có rủi ro cao, bao gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy chế nghiệp vụ của EIB.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu an toàn, các giới hạn tín dụng, giới hạn trạng thái ngoại hối.



- Giám sát việc ban hành các quy định nội bộ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ Giám đốc nắm bắt và kiểm soát toàn bộ hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Qua đó Giám đốc có thể đưa ra những quyết định tập trung phát triển hoạt động tín dụng ở những lĩnh vực nào mang lại lợi nhuận cao và hạn chế rủi ro ở mức có thể chấp nhận được.

## 3.2. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI EIB ĐÀ NẴNG

### 3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát

(1). Nâng cao năng lực của bộ máy quản trị, điều hành và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.

(2) Nâng cao văn hóa kiểm soát

(3) Nâng cao chất lượng đào tạo và huấn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ của Ngân hàng

(4) Cần nhận thức rõ tầm quan trọng của bộ phận kiểm toán nội bộ đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng bằng các biện pháp đầu tư thích đáng cho kiểm toán nội bộ, luôn quan tâm đến chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm toán trong việc phát hiện các tồn tại trong hoạt động; ngăn ngừa gian lận, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

#### *3.2.1.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá tín dụng của Ngân hàng*

Hiện nay, tại một số NHTM đã xây dựng hệ thống đánh giá tín dụng tiêu chuẩn để làm cơ sở ra quyết định tín dụng. Trong tương lai, các NHTM lớn có thể xây dựng cho mình hệ thống đánh giá, chấm điểm tín dụng phù hợp với đặc điểm hoạt động tín dụng của mình. Hệ thống đánh giá tín dụng sẽ đánh giá khoản vay và khách hàng vay trên các yếu tố định tính và định lượng. Mỗi giá sẽ là cơ sở thống

nhất để ra quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay trên toàn hệ thống ngân hàng.

***3.2.1.2. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm về các khoản vay có vấn đề***

Các ngân hàng thương mại thực hiện rất tốt hệ thống cảnh báo các khoản vay có vấn đề thông qua mạng ngân hàng. Tuy nhiên, định kỳ hàng tháng cán bộ tín dụng cần phải theo dõi và báo cáo về tình trạng của khách hàng vay, tình trạng tài sản đảm bảo, tình hình giải ngân và thanh toán trong kỳ của khách hàng vay do mình phụ trách cho Trưởng phòng hoặc Giám đốc để kịp thời có những giải pháp cần thiết để hạn chế nợ quá hạn.

**3.2.2. Các giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm soát tín dụng tại EIB Đà Nẵng**

***3.2.2.1. Thiết lập cơ chế kiểm soát hồ sơ tín dụng, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay khi giải ngân***

***3.2.2.2. Xác định rõ nhân thân của khách hàng nhằm có giải pháp ngăn ngừa các hành vi lừa đảo của khách hàng***

***3.2.2.3. Khai thác tối đa thông tin về khách hàng trên kho Trung tâm thông tin tín dụng CIC về quan hệ khách hàng nhằm có giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng do Ngân hàng không quản lý được khách hàng vay vốn tại nhiều tổ chức tín dụng***

**3.2.3. Các giải pháp nhằm tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy trình kiểm soát tín dụng tại EIB Đà Nẵng**:

Việc thực hiện đúng hay không quy trình kiểm soát tín dụng đóng vai trò rất quan trọng trong việc ngăn ngừa rủi ro tín dụng

Kiểm soát kết quả định giá tài sản đảm bảo, xác minh tình trạng thực tế của tài sản đảm bảo và giảm thiểu rủi ro do sự giảm sút giá trị tài sản đảm bảo



Cần ý thức được tầm quan trọng của việc kiểm tra sau khi cho vay, từ đó xây dựng các quy trình chặt chẽ trách nhiệm của cán bộ tín dụng về việc giám sát khoản vay sau khi giải ngân. Việc giám sát khoản vay sau khi giải ngân phải được thực hiện hàng tháng, hàng quý, hàng sáu tháng tùy theo tính chất hồ sơ và phải lập biên bản kiểm tra đầy đủ. Nội dung biên bản kiểm tra phải thể hiện đầy đủ tình hình hiện tại của khách hàng, tránh tình trạng thực hiện qua loa, đối phó tình thế.

***3.2.3.3. Các giải pháp hạn chế sự gian lận, thiếu trung thực và các sai phạm nghiệp vụ của cán bộ tín dụng***

Hiện nay, một số NHTM đã áp dụng hình thức phân chia công việc, tách bạch công việc giữa nhân viên thẩm định tài sản, nhân viên thẩm định tình hình tài chính, nhân viên pháp lý tiến hành các thủ tục về đảm bảo tiền vay và nhân viên giải ngân quản lý hồ sơ tín dụng. Việc tách bạch công việc như trên sẽ hạn chế bớt sai sót của nhân viên qua từng khâu, đồng thời có sự kiểm tra chéo lẫn nhau, hạn chế sự gian lận, thiếu trung thực.

**3.2.4. Một số giải pháp khác**

*Thứ nhất*, các KSV nội bộ cần liên tục cập nhật các văn bản, chính sách chế độ do Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính ban hành.

*Thứ hai*, Khối kiểm soát nội bộ thường xuyên trao đổi thông tin với các Phòng ban quản lý khác ở Hội sở về lĩnh vực tín dụng nhằm có được những thông tin đầy đủ về hoạt động tín dụng của hệ thống EIB Đà Nẵng.

*Thứ ba*, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác kiểm soát đối với hoạt động tín dụng.

## 3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM TẠO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TỐT CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐIV ỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI EIB ĐÀ NẴNG

### 3.3.1. Kiến nghị đối với NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước

Muốn cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ được hiệu quả và thông suốt, trước tiên cần phải có một cơ chế điều tiết hữu hiệu. Điều đó được thể hiện qua hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Là văn bản hướng dẫn thực hiện và là chuẩn mực, thước đo cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Các văn bản pháp lý hiện nay quy định về công tác kiểm soát nội bộ là chưa đủ và chưa đáp ứng tính thực tiễn cũng như độ phức tạp ngày càng cao của công tác kiểm soát.

### 3.3.2 Kiến nghị với Khối kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Kiểm soát nội bộ phải thường xuyên duy trì, cập nhật và nâng cao kiến thức để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

- Những kiến thức về lĩnh vực tín dụng:

- Mạnh dạn đưa ra chính kiến của mình đối với mọi đối tượng có liên quan trong công tác: lãnh đạo, đối tượng kiểm tra, kiểm soát…

- Trong công tác phải khéo léo, thông minh, có sáng tạo, tránh dập khuôn. Thường xuyên học tập và nghiên cứu trên các lĩnh vực khác.



## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái trên thế giới, hoạt động của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là hoạt động của các ngân hàng thương mại. Yêu cầu đặt ra đối với các ngân hàng là phải đảm bảo hoạt động kinh doanh một cách an toàn và hiệu quả nhất. Do đó công tác kiểm soát nội bộ được các ngân hàng chú trọng, đặc biệt là công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng.

Trong thời gian qua, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng đã không ngừng hoàn thiện, đổi mới thể hiện sự gia tăng thường xuyên vốn điều lệ, nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay. Ngân hàng đã tiến hành nhiều biện pháp hữu hiệu trong việc phòng ngừa và đặc biệt là tăng cường kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng, kết hợp với sự nổ lực, quyết tâm rất cao nên tỷ lệ nợ quá hạn đã giảm dần qua các năm, góp phần đưa hoạt động của ngân hàng dần đi vào ổn định, vững vàng trên thị trường và tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những mặt tồn tại như sản phẩm dịch vụ chưa phong phú, việc chấp hành quy định tín dụng chưa nghiêm, thiếu kiểm tra, giám sát khi cho vay… nên vẫn còn nợ quá hạn. Do rủi ro tín dụng là điều tất yếu xảy ra trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng nên việc tránh rủi ro là điều không thể mà ngân hàng chỉ hạn chế được rủi ro ở mức thấp nhất.

Từ thực tế trên, cùng với những kiến thức thu thập được trong quá trình học tập, nghiên cứu cũng như trong thực tế, luận văn đề ra một số giải pháp nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong lĩnh vực tín dụng của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

Tuy nhiên, do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kinh mong Quý Thầy Cô chỉ dẫn và đóng góp thêm.